

**THÔNG TƯ số 155/1998/TT-BTC ngày 08/12/1998 hướng dẫn bổ sung một số điểm tại Thông tư số 60-TC/CĐKT ngày 01/9/1997 của Bộ Tài chính về công tác kế toán, kiểm toán đối với các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.**

Để đảm bảo việc tuân thủ Điều 37 của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, triển khai thống nhất các quy định tại Thông tư số 60-TC/CĐKT ngày 01/9/1997 của Bộ Tài chính và giải quyết những vướng mắc cho các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong việc đăng ký và áp dụng chế độ kế toán, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung một số điểm sau đây:

1. Các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi tắt là các doanh nghiệp, tổ chức) phải thực hiện công tác kế toán, kiểm toán theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các quy định tại Thông tư số 60-TC/CĐKT của Bộ Tài chính và hướng dẫn bổ sung tại Thông tư này.

**2. Về hệ thống chế độ kế toán áp dụng:**

2.1. Các doanh nghiệp, tổ chức phải áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1141-TC/QĐ/CĐKT ngày 01/11/1995 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1141-TC/QĐ/CĐKT của Bộ Tài chính.

Riêng các doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện theo chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm hiện hành (Quyết định số 1296-TC/QĐ/CĐKT ngày 31/12/1996 của Bộ Tài chính).

2.2. Bộ Tài chính sẽ xem xét để các doanh nghiệp, tổ chức mới thành lập, hoặc các doanh nghiệp, tổ chức đang hoạt động tiếp tục áp dụng chế độ kế toán thông dụng khác trong các trường hợp sau:

Doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mới hình thành ở Việt Nam, hoặc thuộc lĩnh vực kinh doanh chưa có quy định, hướng dẫn

về kế toán, hoặc thuộc lĩnh vực hoạt động đang trong quá trình xây dựng chế độ kế toán, như: ngân hàng, chứng khoán, thuê mua tài chính, quản lý dự án,...

2.3. Doanh nghiệp, tổ chức được lùi thời điểm chuyển đổi áp dụng chế độ kế toán Việt Nam:

Những doanh nghiệp, tổ chức chưa kịp chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc chuyển đổi (như chưa có sự hiểu biết cần thiết về chế độ kế toán Việt Nam, chưa kịp huấn luyện nhân viên kế toán, chưa sửa đổi được phần mềm vi tính), sẽ được Bộ Tài chính xem xét cho lùi thời điểm chuyển đổi sang áp dụng chế độ kế toán Việt Nam với thời hạn tối đa là đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2000.

2.4. Doanh nghiệp, tổ chức được miễn chuyển đổi sang áp dụng Hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam:

- Nếu chỉ còn tối đa 3 năm hoạt động ở Việt Nam tính từ ngày 01 tháng 1 năm 1999 do hết thời hạn hoạt động của giấy phép đầu tư, hoặc của giấy phép đặt chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam;

- Nếu chấm dứt hoạt động (do giải thể, phá sản,...) trong thời gian tối đa 6 tháng tính từ ngày 01 tháng 1 năm 1999.

**3. Về thực hiện công tác kế toán:**

**3.1. Chứng từ kế toán:**

Chứng từ kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán phải là bản gốc, có đầy đủ các yếu tố theo quy định. Bản photocopy hoặc fax không có giá trị pháp lý để ghi sổ kế toán.

Những chứng từ kế toán phát sinh thường xuyên từ bên ngoài Việt Nam của các bên góp vốn phải được đăng ký mẫu trước trong hồ sơ đăng ký chế độ kế toán và phải dịch ra tiếng Việt Nam tên gọi chứng từ và những nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.2. Đăng ký sử dụng sổ kế toán với cơ quan thuế địa phương:

a) Đối với doanh nghiệp, tổ chức không thực hiện công tác kế toán bằng máy vi tính phải đăng ký một quyển Sổ Cái.

b) Đối với doanh nghiệp, tổ chức thực hiện công tác kế toán bằng máy vi tính phải đăng ký một quyển Sổ Cái dùng để ghi sổ bằng tay số liệu tổng hợp của các tài khoản kế toán.

Việc ghi số liệu bằng tay trên Sổ Cái đã được đăng ký với cơ quan thuế địa phương được tiến hành theo quý và năm phù hợp với kỳ lập báo cáo tài chính. Số dư đầu năm ghi trên Sổ Cái là số dư cuối năm của năm tài chính trước chuyển sang. Hàng quý ghi số phát sinh của mỗi tài khoản theo số tổng cộng số phát sinh của quý. Số dư cuối quý, cuối năm được xác định theo nguyên tắc tính số dư của từng tài khoản.

c) Cơ quan thuế địa phương xác nhận về số trang sổ, đóng dấu giáp lai các trang sổ trước khi doanh nghiệp, tổ chức sử dụng.

### 3.3. Nơi nộp báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài được nộp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; Cục Thuế, Cục Thống kê địa phương (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính); Ban quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao cấp tỉnh (đối với doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao) và bên có vốn góp liên doanh.

4. Về đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể sử dụng đơn vị tiền tệ nước ngoài (loại đơn vị tiền tệ có khả năng chuyển đổi) để ghi sổ kế toán và lập báo cáo kế toán nhưng phải đăng ký trong chế độ kế toán xin áp dụng và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức được chấp thuận phải được ghi theo nguyên tệ

và quy đổi ra đơn vị tiền tệ chính thức theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

Xử lý chênh lệch tỷ giá theo quy định tại Thông tư số 74-TC/TCT ngày 20/10/1997 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

### 5. Về ngôn ngữ trong ghi chép kế toán:

Doanh nghiệp, tổ chức phải sử dụng tiếng Việt Nam trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính. Trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức sử dụng từ hai ngôn ngữ trở lên bắt buộc phải có một ngôn ngữ là tiếng Việt Nam.

6. Trường hợp áp dụng Hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp, tổ chức được quyền và có trách nhiệm sau:

6.1. Chủ động lựa chọn chứng từ kế toán, hình thức sổ và tài khoản kế toán để áp dụng phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức; có thể mở thêm tài khoản cấp 2 trong hệ thống tài khoản chưa có (đối với loại tài khoản chỉ quy định ở cấp 1), toàn bộ tài khoản cấp 3, cấp 4,...; các sổ kế toán chi tiết; báo cáo kế toán quản trị theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp (không phải đăng ký với Bộ Tài chính).

6.2. Trường hợp cần bổ sung thêm tài khoản cấp 1; thay đổi tên gọi tài khoản; bổ sung nội dung ghi chép của tài khoản; hoặc bổ sung thêm chứng từ kế toán cần trình bày lý do và giải thích cụ thể về các nội dung này trong hồ sơ đăng ký chế độ kế toán áp dụng và chỉ được thực hiện sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

7. Về thời điểm chuyển đổi sang áp dụng chế độ kế toán Việt Nam:

Thời điểm chuyển đổi áp dụng chế độ kế toán Việt Nam bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 năm 1999 cho

những doanh nghiệp, tổ chức có năm tài chính là năm dương lịch; hoặc tại thời điểm bắt đầu của năm tài chính 1999 đối với những doanh nghiệp có năm tài chính khác năm dương lịch.

## 8. Thủ tục đăng ký chế độ kế toán áp dụng:

### 8.1. Đăng ký lần đầu:

a) Nếu doanh nghiệp, tổ chức áp dụng đúng hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (không có sửa đổi, bổ sung) thì chỉ cần làm công văn đăng ký với Bộ Tài chính, gửi kèm bản sao giấy phép đầu tư, hoặc giấy phép hoạt động và hồ sơ của kế toán trưởng theo quy định từ điểm 3.1.1 đến điểm 3.1.4 tại Thông tư số 60-TC/CDKT.

b) Trường hợp áp dụng hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam có bổ sung, sửa đổi thì cần gửi kèm theo bộ hồ sơ đăng ký chế độ kế toán bản giải trình lý do và nội dung xin bổ sung, sửa đổi.

c) Trường hợp xin áp dụng chế độ kế toán thông dụng khác thì trong hồ sơ đăng ký cần nêu rõ lý do và trình bày toàn bộ nội dung hệ thống kế toán xin áp dụng (theo hướng dẫn tại điểm 3 - mục D - phần III Thông tư 60-TC/CDKT).

### 8.2. Đăng ký chuyển đổi:

a) Trường hợp đăng ký chuyển đổi từ chế độ kế toán nước ngoài sang chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và không có thay đổi về kế toán trưởng thì chỉ cần gửi công văn đăng ký chuyển đổi chế độ kế toán (theo mẫu Phụ lục số 01 Thông tư số 60-TC/CDKT); bản photocopy của công văn chấp thuận chế độ kế toán lần trước và nêu rõ số giấy phép đầu tư, hoặc giấy phép hoạt động được cấp.

b) Trường hợp đăng ký chuyển đổi và có đề nghị bổ sung, sửa đổi chế độ kế toán áp dụng, hoặc có sự thay đổi về kế toán trưởng thì ngoài công văn đề nghị chuyển đổi chế độ kế toán áp dụng cần phải giải trình lý do, nội dung cần bổ sung, sửa đổi và tài liệu liên quan đến kế toán trưởng theo quy định.

8.3. Xin lùi thời điểm chuyển đổi sang áp dụng chế độ kế toán Việt Nam:

Doanh nghiệp, tổ chức phải gửi công văn trình

bày rõ lý do xin lùi thời hạn chuyển đổi kèm bản sao giấy phép đầu tư, hoặc giấy phép hoạt động và công văn chấp thuận chế độ kế toán lần trước cho Bộ Tài chính. Doanh nghiệp, tổ chức phải cam kết xúc tiến các công việc cần thiết để đảm bảo chuyển đổi sang áp dụng chế độ kế toán Việt Nam trong thời hạn Bộ Tài chính chấp thuận.

8.4. Trường hợp miễn chuyển đổi sang áp dụng chế độ kế toán Việt Nam:

Doanh nghiệp, tổ chức phải làm công văn trình bày rõ lý do xin miễn chuyển đổi kèm bản sao giấy phép đầu tư, hoặc giấy phép hoạt động và công văn chấp thuận chế độ kế toán lần trước cho Bộ Tài chính và có xác nhận của cơ quan cấp giấy phép đầu tư, hoặc giấy phép hoạt động (nếu chấm dứt hoạt động do giải thể, phá sản).

9. Về thủ tục đăng ký chế độ kế toán và lưu hồ sơ đăng ký chế độ kế toán tại khu chế xuất, khu công nghiệp hoặc khu công nghệ cao:

- Đối với doanh nghiệp, tổ chức đăng ký chế độ kế toán áp dụng tại Ban quản lý khu chế xuất, hoặc khu công nghiệp, khu công nghệ cao theo sự ủy quyền của Bộ Tài chính thực hiện theo các quy định tại Công văn số 1067-TC/CDKT ngày 06/4/1998 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận chế độ kế toán tại các khu chế xuất và khu công nghiệp.

- Hồ sơ đăng ký chế độ kế toán thực hiện theo quy định tại điểm 3.1.1 đến điểm 3.1.4 của Thông tư số 60-TC/CDKT ngày 01/9/1997 (4 bộ đóng quyển).

- Sau khi chấp thuận chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp, hồ sơ chế độ kế toán được lưu như sau:

- . 01 bộ lưu tại doanh nghiệp đăng ký;
- . 01 bộ lưu tại cơ quan thuế;
- . 01 bộ lưu tại Bộ Tài chính;
- . 01 bộ lưu tại Ban quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp, hoặc khu công nghệ cao.

10. Bộ Tài chính yêu cầu các doanh nghiệp, tổ chức phải có những biện pháp tích cực để chuyển đổi sang áp dụng chế độ kế toán Việt Nam:

- Tổ chức nghiên cứu, huấn luyện, đào tạo kế toán trưởng, kế toán viên và cán bộ quản lý về các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam về công tác kế toán, kiểm toán đối với doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài và hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện vật chất về hệ thống kế toán, sổ kế toán, xây dựng hoặc sửa đổi phần mềm vi tính cho phù hợp với việc áp dụng chế độ kế toán Việt Nam.

**11.** Các cơ quan chức năng quản lý nhà nước, các Cục Thuế địa phương phải tham gia tích cực trong việc hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài thuộc diện quản lý nhằm thực hiện đầy đủ theo quy định hiện hành về công tác kế toán, kiểm toán đối với các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài.

**12.** Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thủ trưởng*

TRẦN VĂN TÁ

**THÔNG TƯ số 157/1998/TT-BTC ngày 12/12/1998 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động tín dụng, ngân hàng.**

Căn cứ vào Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10/5/1997;

Căn cứ vào Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ vào đặc thù kinh doanh của các tổ chức tín dụng ngân hàng, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thuế giá trị gia tăng đối với các hoạt động này như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ, ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**1. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là các hoạt động kinh doanh như sau:**

- Dịch vụ tín dụng ngân hàng và ngân quỹ bao gồm:

+ Mở tài khoản.

+ Dịch vụ chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá trị khác (bao gồm cả tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và giấy tờ có giá trị).

+ Dịch vụ bảo lãnh có thu phí (bao gồm cả bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và các hình thức bảo lãnh khác).

+ Dịch vụ thanh toán gồm:

\* Cung ứng các phương tiện thanh toán,

\* Thực hiện các dịch vụ thanh toán cho khách hàng,

\* Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế,

\* Thực hiện các dịch vụ thu hộ chi hộ, chuyển tiền, kiều hối,

\* Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác.

+ Nghiệp vụ ủy thác và đại lý dưới hình thức: ủy thác, nhận ủy thác làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến các hoạt động ngân hàng, kể cả quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân theo hợp đồng.